TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/DS-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 23/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 48/2023/DS-ST ngày 22/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-DS ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐST-DS ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Trương Tường V, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 25 đường P, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Cát N, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 57/3 đường T, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V trình bày: Do có mối quan hệ quen biết làm ăn chung với nhau nên vào ngày 21/11/2022 tôi có cho ông Hồ Cát N vay số tiền là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng), ông N hẹn sau một tháng sẽ trả là ngày

21/12/2022. Nhưng đến hạn tôi liên hệ với ông N để trả tiền, mà ông N không chịu trả. Tôi đòi nhiều lần mà ông N vẫn không trả. Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Cát N có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ gốc là 105.000.000 đồng và lãi suất là 10%/ năm, tính từ ngày 21/12/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Theo bản tự khai bị đơn ông Hồ Cát N trình bày:

Vào ngày 21/11/2022 tôi có vay của bà Vũ Trương Tường V một khoản tiền nhưng tôi đã trả được hơn 50% số tiền đã vay và còn lại số tiền là 105.000.000 đồng, hiện tại tôi chưa có việc làm và đang tìm việc làm để thanh toán số nợ còn lại cho bà Vũ Trương Tường V trong thời gian 6 tháng kể từ ngày 03/4/2023 đến ngày 03/10/2023 tôi sẽ hoàn trả số tiền còn lại cho bà Vũ Trương Tường V. Vì vậy mong bà V tạo điều kiện để cho tôi trả số nợ còn lại. Phần lãi suất tôi chấp nhận trả 10%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải theo quy định. Tuy nhiên bị đơn ông Hồ Cát N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V và bị đơn ông Hồ Cát N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bị đơn ông Hồ Cát N vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hồ Cát N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông N.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

3.1. Về số nợ gốc: Theo nội dung Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V cho bị đơn ông Hồ Cát N vay số tiền 105.000.000 đồng, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán số tiền 105.000.000 đồng từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/12/2022. Tuy nhiên đến hạn thanh toán tiền bà V đã yêu cầu nhiều lần nhưng ông N không trả số tiền trên cho bà V. Do đó bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Cát N trả cho

bà V số nợ trên. Quá trình giải quyết vụ án thì ông N cũng thừa nhận nợ bà V số tiền 105.000.000 đồng tiền gốc như bà V khởi kiện nhưng do điều kiện hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên ông xin gia hạn thời hạn trả nợ trong thời gian 6 tháng kể từ ngày 03/4/2023 đến ngày 03/10/2023 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà V. Về lãi suất ông cũng đồng ý mức lãi suất như bà V yêu cầu 10%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa bà V không đồng ý cho ông N gia hạn thời hạn trả nợ. Xét thấy ông N đã vi phạm thời hạn trả nợ theo thỏa thuận và vi phạm quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Nên xét thấy cần buộc bị đơn ông N có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn bà V là có căn cứ nên cần chấp nhận.

3.2. Về lãi suất: Theo nội dung Giấy mượn tiền các bên chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ từ ngày 21/11/2022 đến ngày 21/12/2022 nhưng không thỏa thuận về lãi suất, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông N trả số nợ gốc và lãi suất là 10%/năm. Như vậy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy cần chấp nhận để tính lãi suất chậm trả.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà V xác định trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Cát N đã trả cho bà V được 20.000.000 đồng tiền nợ gốc nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông Hồ Cát N trả cho bà 85.000.000 đồng tiền nợ gốc trên và lãi suất kể từ ngày 21/12/2022 cho đến ngày xét xử.

Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 21/12/2022 đến ngày xét xử là ngày 23/6/2023 là 6 tháng 2 ngày:

105.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 2 ngày = 5.308.000 đồng (làm tròn).

Từ những phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Trương tường V là có căn cứ nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn ông Hồ Cát N có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Trương Tường V tổng số tiền 90.308.000 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2023 là 5.308.000 đồng (làm tròn).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Hồ Cát N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: 90.308.000 đồng x 5% = 4.515.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V.

2. Buộc bị đơn ông Hồ Cát N có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Trương Tường V tổng số tiền 90.308.000 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 85.000.000 đồng *(Tám mươi lăm triệu đồng)*, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 23/6/2023 là 5.308.000 đồng (làm tròn) *(Năm triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Trương Tường V về việc yêu cầu bị đơn trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Vũ Trương Tường V 2.664.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0000218 ngày 15/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Bị đơn ông Hồ Cát N phải chịu 4.515.000 đồng (làm tròn) (Bốn triệu năm trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh